

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN G

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH B

Số: 64/2025/QĐST-DS

G, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 112/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 2 Đường Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chi nhánh thực hiện khởi kiện: Ngân hàng N, Chi nhánh huyện G

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Minh K - Phó Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện G.

- Bị đơn: Ông **Phan Ngọc K**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 456, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh B.

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1983

HKTT: Tổ 2, thôn 5, xã H, huyện HT, tỉnh B

Địa chỉ thường trú: 456, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Ngọc K và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G số tiền tạm tính đến ngày 21/4/2025 là 696.984.544 đồng (*Sáu trăm chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó tiền gốc là 631.714.766 đồng (*Sáu trăm ba mươi một triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng*), số tiền lãi trong hạn là 64.969.778 đồng (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng*).

Ông Phan Ngọc K và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng thứ nhất số: 7107LAV202203630 ngày 18/05/2022, Hợp đồng tín dụng thứ hai số: 7107LAV202203631 ngày 18/05/2022, một phần dư nợ của Hợp đồng thấu chỉ số 7107LAV202303264 ngày 06/06/2023 kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi ông Kỳ, bà Hằng trả dứt nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G.

Trường hợp ông Phan Ngọc K và bà Nguyễn Thị H không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là quyền sử dụng đất số: CQ 450313 thửa 270 tờ bản đồ số 7 diện tích 753,4 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/01/2019 do ông K, bà H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông K, bà H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G.

Sau khi ông K, bà H trả xong dứt số nợ nói trên thì Ngân hàng sẽ giao trả lại tài sản đã thế chấp cho ông K, bà H như các hợp đồng tín dụng.

2.2. *Về án phí:* Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50%.

- Ông Phan Ngọc K, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.424.613đ (*Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng*).

- Ngân hàng N (Chi nhánh Huyện G) không phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng N (do Chi nhánh huyện G nhận) số tiền tạm ứng án phí là 15.369.000đ (*Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0010372 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng GDKT TAND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền